

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/KDTM-PT

Ngày: 06-11-2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Ông Vũ Việt Dũng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Hưng, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham dự phiên toà: Bà Đặng Ngọc Hoài Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2018/TLPT-KDTM ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2018/KDTM-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 09/2018/QĐ-PT ngày 31/10/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T; địa chỉ: đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đào Quốc D1 – Chức vụ: Giám đốc – người đại diện theo pháp luật Công ty. Có mặt

- *Bị đơn*: Tổng Công ty L; địa chỉ: đường T, phường K, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Anh D2, sinh năm 1989; địa chỉ: đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy ủy quyền số 155/2018/GUQ-LCC V/v tham gia tố tụng và thực hiện quyền, nghĩa vụ đương sự, ngày 01/8/2018 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty L. Có mặt

- *Cơ quan kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng

- *Người kháng cáo*: Tổng Công ty L - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn - Công ty TNHH T (Công ty T) trình bày:*

Vào ngày 30/10/2015, Chi nhánh Vận tải & Thi công cơ giới – Tổng Công ty L (Tổng Công ty L) và Công ty T ký kết hợp đồng kinh tế số 3010/2015/HĐKT/CG-TAH về việc mua 02 xe trộn bê tông BI1143VJFA-1 dung tích 3,33m³⁺. Tổng giá trị hợp đồng là 1.287.000.000đ.

Ngày 01/01/2016 Công ty T đã bàn giao 02 máy trộn bê tông và Chi nhánh Tổng Công ty L đã thanh toán tổng số tiền 1.007.507.777đ, còn lại không thanh toán. Do vậy, Công ty T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc: Tổng Công ty L và Chi nhánh trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng là: 279.492.222đ và lãi tạm tính đến ngày 24/7/2018 là 68.231.027đ (tính theo lãi suất 09%/năm). Tổng cộng 347.723.249đ.

* Đối với bị đơn Tổng Công ty L, trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng Tổng Công ty L vẫn không tham gia các phiên họp và phiên tòa theo quy định.

Với nội dung trên, Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng quyết định:

- Buộc Tổng Công ty L và Chi nhánh Vận tải & Thi công cơ giới - Tổng Công ty L phải trả cho Công ty TNHH T số tiền 347.723.249đ (ba trăm bốn bảy triệu, bảy trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm bốn chín đồng). Trong đó nợ gốc 279.492.222đ và lãi là 68.231.027đ.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, Tổng Công ty L có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn vì cho rằng số tiền lãi không chính xác.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm, nội dung:

(1) Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

- Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn giải quyết là không phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ Luật TTDS nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn các đương sự lập văn bản thống nhất lựa chọn Tòa án giải quyết là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị quyết 02/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; không thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ; không thông báo về các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp là vi phạm khoản 3 Điều 210 Bộ luật TTDS.

- Đưa Chi nhánh Vận tải & Thi công cơ giới của Tổng Công ty L là người không có năng lực dân sự vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không phù hợp với quy định tại Điều 69 Bộ luật TTDS.

(2) Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả, nhưng trong quá trình xét xử Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi chậm trả nhưng không thông báo cho bị đơn biết yêu cầu bổ sung của nguyên đơn; Về lãi suất áp dụng tính lãi chậm trả phải theo quy định tại Án lệ số 09/2016/AL, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận khoản tiền lãi là 68.231.027đ, thời hạn tính lãi từ ngày 04/02/2016 là không có cơ sở.

- Bản án tuyên buộc Tổng Công ty L và Chi nhánh Vận tải & Thi công cơ giới (đơn vị phụ thuộc, không có tư cách pháp nhân) phải trả cho nguyên đơn là không đúng quy định pháp luật và vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, nên đề nghị: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.

* Tại biên bản thỏa thuận ngày 12/10/2018, đại diện Tổng Công ty L và Công ty T tự thỏa thuận thống nhất với nhau, cụ thể như sau: Về thẩm quyền xét xử: thống nhất Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn giải quyết sơ thẩm đối với vụ án; Về khoản nợ: Tổng Công ty L cam kết trả cho Công ty T số tiền nợ là: 294.492.222 đồng, trong đó tiền gốc 279.492.222 đồng và tiền lãi 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Tổng Công ty L và Công ty T xác nhận, trước khi diễn ra phiên tòa phúc thẩm Công ty L đã thanh toán cho Công ty T số tiền 30.000.000 đồng. Số tiền nợ còn lại là 264.492.222 đồng, trong đó tiền gốc 249.492.222 đồng và tiền lãi 15.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thống nhất về thời hạn thanh toán như sau: trong ngày xét xử phúc thẩm 06/11/2018 Tổng Công ty L sẽ thanh toán 110.000.000đ. từ 07/11/2018 đến hết tháng 3/2018 Công ty L sẽ thanh toán dứt điểm số tiền còn lại là 154.492.222 đồng làm 05 đợt. Về án phí: Tổng Công ty L chịu án phí theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án như trên, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 24 tháng 8 năm 2018, bị đơn Tổng Công ty L có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm

về phần tiền lãi chậm trả; Ngày 30 tháng 8 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vi phạm về trình tự thủ tục tố tụng và nội dung.

[2] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng là có cơ sở. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa, căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tổng Công ty L phải chịu số tiền là 13.224.611 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTV/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2017 V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Về khoản tiền nợ: Tổng Công ty L còn nợ Công ty TNHH T số tiền là: 264.492.222 đồng, trong đó tiền gốc 249.492.222 đồng (*Hai trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm chín mươi hai ngàn, hai trăm hai mươi hai đồng*) và tiền lãi 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

2. Về thời hạn thanh toán: Tổng Công ty L thanh toán cho Công ty TNHH T theo thời hạn cụ thể như sau:

- Ngày 06/11/2018 thanh toán số tiền là 110.000.000 đồng (*Một trăm mười triệu đồng*);
- Từ 07/11/2018 – 30/11/2018 thanh toán số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*);
- Từ 01/12/2018 – 31/12/2018 thanh toán số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*);
- Từ 01/01/2019 – 31/01/2019 thanh toán số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*);
- Từ 01/02/2019 – 28/02/2019 thanh toán số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*);
- Từ 01/3/2019 – 31/3/2019 thanh toán số tiền 34.492.222 đồng (*Ba mươi bốn triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng*).

3. Về án phí:

3.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Tổng Công ty L phải chịu 13.224.611 đồng (*mười ba triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm mười một đồng*).
- Hoàn trả lại cho Công ty TNHH T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.987.000 đồng theo Biên lai thu số: 1526 ngày 28/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, Tp Đà Nẵng.

3.2 Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Tổng Công ty L phải chịu là 2.000.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001811 ngày 10/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, Tp Đà Nẵng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10% tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- TAND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS Q. Ngũ Hành Sơn;
- Lưu HS, TKT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Hiếu